

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **42/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 30/9/2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàn Kiếm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Ngô Anh Tuấn
- Bà Trần Thị Ngọc Linh

Thư ký phiên tòa: Ông Hán Tấn Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Đào Thanh Tuấn, Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số: 244/2019/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38a/2019/QĐXX-HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2019/QĐ-HPT, ngày 13 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Kim L, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Thành A, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 13 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị Kim L trình bày: Bà và ông Trần

Thành A xác lập quan hệ vợ chồng năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, đến năm 2018, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nhau, nguyên nhân là do ông A thường xuyên đánh đập bà, ghen tuông vô cớ, vu khống bà ngoại tình, ông A sống không có trách nhiệm gì với gia đình, không đưa tiền cho bà nuôi con. Ông A bỏ về sống nhà cha mẹ ông sống gần 06 tháng nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa.

Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông A.

Về con chung: Bà và ông A có 03 con chung gồm Trần Thành B, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2009; Trần Thành C, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2014 và Trần Ngô Mỹ D, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2016, các con hiện đang ở với bà; Bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Bà yêu cầu ông A cấp dưỡng cho bà nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng/người cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Trần Thành A lần tránh không đến Tòa án làm việc nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: về hôn nhân, bà L được ly hôn ông A; về con chung: giao các cháu B, C và D cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông A cấp dưỡng cho bà L nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng/người; về tài sản và nghĩa vụ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Ngô Thị Kim L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Trần Thành A; bà nhận chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 3 con chung giữa bà với ông A là các cháu B, C và D cho đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng/đứa. Đây là vụ kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Tuy Phong theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Thành A sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án đã chuyển đến nơi cư trú mới nhưng không thông báo cho Tòa án về việc thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới nên Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định tại Điều 177, Điều 179, Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt ông A theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: Bà Ngô Thị Kim L và ông Trần Thành A xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 08 tháng 9 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

4. Về yêu cầu khởi kiện của bà L: Bà L yêu cầu được ly hôn ông A vì ông A thường xuyên đánh đập bà, ghen tuông vô cớ, vu khống bà ngoại tình, ông A sông không có trách nhiệm gì với gia đình và vợ chồng sống ly thân nhau gần 06 tháng nay; theo nội dung xác minh tại khu phố nơi ông bà sinh sống thể hiện, bà L có quan hệ xã hội phức tạp làm cho vợ chồng mâu thuẫn, sống ly thân nhau, điều đó thể hiện ông A và bà L đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông A theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình

Về con chung: Bà L và ông A có 3 con chung gồm: Trần Thành B, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2009; Trần Thành C, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2014 và Trần Ngô Mỹ D, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2016, các con đang ở với bà L.

Bà L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu B, C và D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Các cháu B, C và D đang ở với bà L nên yêu cầu của bà L là có căn cứ chấp nhận.

Bà L yêu cầu ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng/người cho đến khi các cháu B, C, D đủ 18 tuổi; Mức yêu cầu cấp dưỡng của bà L phù hợp với nhu cầu sinh hoạt của trẻ em ở địa bàn huyện Tuy Phong nên chấp nhận.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà L hải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn, bà L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nên không hoàn lại cho bà tiền tạm ứng án phí. Ông A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 146, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị Kim L đối với ông Trần Thành A; Bà Ngô Thị Kim L được ly hôn ông Trần Thành A.

Về con chung: Bà L và ông A có 3 con chung gồm: Trần Thành B, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2009; Trần Thành C, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2014 và Trần Ngô Mỹ D, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2016, các con đang ở với bà L.

Giao các cháu B, C và D cho bà L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà L nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng/người từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu B, C, D đủ 18 tuổi

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi do các bên tự thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc các nhân, tổ chức theo quy định pháp luật tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi là 10%/năm.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Bà L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn, bà L đã tạm nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0026162, ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, nên không hoàn lại cho bà tiền tạm ứng án phí; Ông A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn bà L có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn ông A vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS ND (Tỉnh + Huyện);
- Tòa án ND Tỉnh BT;
- Các đương sự;
- THA Huyện;
- UBND thị trấn Phan Rí Cửa;
- Lưu HS.

Hồ Hoàn Kiếm